

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hình.

Bà Hà Thị Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8
- Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 394/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh ngày 29/11/1990. Số CCCD: 030190019xxx. Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số xxx, phố L, phường T, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ tạm trú: Thôn X, xã S, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án: Công ty Luật TNHH B; địa chỉ: Tầng xx, số xxx, phố Đ, phường P, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Luật sư Nguyễn Sỹ Q - Giám đốc. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn K, sinh ngày 21/02/1981. Số CCCD: 030081008xxx. Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Số xxx, phố L, phường T, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú hiện nay: Liên bang Nga. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Đoàn Văn K được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện E, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 21/10/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống cùng gia đình anh K ở số 97, phố L, phường T, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do không có cách sống, suy nghĩ khác nhau. Khoảng tám năm trước, do kinh tế gia đình khó khăn nên anh K đi lao động tại liên bang Nga; đến năm 2019 chị đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng mỗi người sống một nơi. Hiện nay, chị đã về nước, anh K vẫn đang lao động tại liên bang Nga, vợ chồng ít liên lạc, không quan tâm nhau. Đến nay, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Đoàn Tiến K1, sinh ngày 29/10/2010 và Đoàn Thị Lan K2, sinh ngày 23/11/2012, hiện nay chị đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K1 và cháu K2. Chị đề nghị Tòa án giao hai con cho chị tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ: không đề nghị giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Đoàn Văn K là ông Đoàn Văn C, sinh năm 1957 (bố đẻ của anh K); địa chỉ: số 97, phố L, phường T, thành phố Hải Phòng.

Ông Đoàn Văn C cung cấp: Chị Phạm Thị H trình bày về điều kiện kết hôn giữa chị H và anh K là đúng. Sau khi kết hôn, chị H về sinh sống cùng gia đình ông, vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn, tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên chị H và anh K đi lao động tại nước ngoài, đến năm 2024, chị H về nước và đón con về chung sống cùng chị H. Hiện nay, anh K vẫn lao động tại Liên bang Nga, không có địa chỉ cụ thể, không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được. Ông đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, ông đã thông báo cho anh K biết, anh K có quan điểm vợ chồng sống xa cách thời gian dài, anh nhất trí ly hôn chị H. Do anh K không về để làm thủ tục ly hôn được nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án thông qua ông C, ông C sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh K biết.

Về con chung: Anh K và chị H có 02 con chung là Đoàn Tiến K1, sinh ngày 29/10/2010 và Đoàn Thị Lan K2, sinh ngày 23/11/2012, hiện nay chị H đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K1, cháu K2. Anh K có quan điểm hiện nay anh K đang lao động tại nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con, anh K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, anh K nhất trí.

UBND phường T, thành phố Hải Phòng cung cấp: Chị Phạm Thị H và anh Đoàn Văn K được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại xã P, huyện E, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 08/6/2012. Sau khi kết hôn, chị H và anh K sinh sống tại số địa phương, qua năm bắt được biết anh K đi lao động tại nước ngoài từ lâu, hiện anh K không có mặt tại địa phương. Về mâu thuẫn cụ thể giữa chị H và anh K, đề nghị Tòa án xác minh mâu thuẫn thông qua gia đình anh K. Về con chung: Chị H và anh K có 02 con chung là Đoàn Tiến K1, sinh ngày 29/10/2010 và Đoàn Thị Lan K2, sinh ngày 23/11/2012, hiện nay chị H đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K1, cháu K2.

Tại Công văn số 23733/QLXNC-P3 ngày 17/11/2025 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thể hiện anh Đoàn Văn K, sinh ngày 21/2/1981, đã xuất nhập cảnh 12 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 12/5/2025; hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Các đương sự chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Đoàn Văn K. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Tiến K1, sinh ngày 29/10/2010 và cháu Đoàn Thị Lan K2, sinh ngày 23/11/2012 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Phạm Thị H. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Phạm Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đoàn Văn K có địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh tại: số 97, phố L, phường T, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng; đồng thời xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Đoàn Văn K tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện E, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 21/10/2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị H, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của ông C (là bố đẻ của anh K) có căn cứ xác định vợ chồng chị H và anh K chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Anh K đi lao động tại Liên bang Nga, chị H lao động tại Nhật Bản, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Từ năm 2024, chị H về nước, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh K đã được ông C thông báo về việc chị H xin ly hôn, anh K đồng ý. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm nhau trong cuộc sống,

mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H ly hôn anh K.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh K có hai con chung là Đoàn Tiến K1, sinh ngày 29/10/2010 và Đoàn Thị Lan K2, sinh ngày 23/11/2012, hiện nay chị H đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K1 và cháu K2. Chị H đề nghị Tòa án giao cháu K1 và cháu K2 cho chị tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục; chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Thông qua gia đình, anh K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy thực tế chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1, cháu K2; hai cháu có quan điểm xin được ở cùng chị H; hiện anh K không có mặt tại Việt Nam nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên căn cứ quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu K1 và cháu K2 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Đoàn Văn K.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Tiến K1, sinh ngày 29/10/2010 và cháu Đoàn Thị Lan K2, sinh ngày 23/11/2012 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Đoàn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Phạm Thị H.

Anh Đoàn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0005251 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Anh Đoàn Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- UBND phường T, thành phố Hải Phòng
(kết hôn năm 2009 tại UBND xã P, huyện E, tỉnh Hải Dương);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh